

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/DSST
Ngày 28/4/2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Đình Khoa
- Ông Lê Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Như Diễm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 28/4/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 396/2024/TLST-DS ngày 21/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025 /QĐXXST-DS ngày 27/02/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025 /QĐST-DS ngày 12/3/2025; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 01/2025/QĐ-CA ngày 24/3/2025; Thông báo về việc hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số 03/TB-TA ngày 24/3/2025, giữa:

1/Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần H.

Địa chỉ: Số E N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Ủy quyền khởi kiện, tham gia tố tụng: Ông Bùi Đức Q, sinh năm 1974-
Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Q1. (Văn bản ủy quyền ngày 29/12/2023)

Ủy quyền lại tham gia tố tụng: Bà Huỳnh Thị Như N, sinh năm 1978 – Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ khách hàng cá nhân; Địa chỉ: Số A Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền số 7770/2024/UQ – TGD12 ngày 20/8/2024). (Có mặt)

2/ Bị đơn: Bà Cao Thị V, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số F B, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bà Huỳnh Thị Như N1 bày:

Ngân hàng TMCP H – Chi nhánh V5 (gọi tắt là Ngân hàng M) và bà Cao Thị V ký kết các Hợp đồng cho vay sau:

- Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 00885/2023/HĐCV/RB ngày 07/3/2023, cụ thể: Số tiền vay **4.990.000.000 đồng**. Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua bất động sản là quyền sử dụng đất thửa 41, tờ bản đồ 24 tại số C V, phường T, thành phố V. Thời hạn vay 288 tháng, lãi suất cho vay 13,75%/năm (từ ngày giải ngân lần đầu tiên tối đa 3 tháng kể từ ngày 06/3/2023 nếu không giải ngân thì khoản vay sẽ bị hủy, trừ trường hợp Ngân hàng đồng ý). Mức điều chỉnh lãi suất: Lãi suất tham chiếu (theo quy định của Ngân hàng M tại thời điểm điều chỉnh) + biên độ 3,5%/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay thông thường trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 148352.00635/2023/HĐCV ngày 20/3/2023 vay số tiền vay **2.000.000.000 đồng**; Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua nội thất, thời hạn vay 120 tháng. Lãi suất cho vay: 13,75%/năm (từ ngày giải ngân lần đầu tiên tối đa 3 tháng kể từ ngày 20/3/2023 nếu không giải ngân thì khoản vay sẽ bị hủy, trừ trường hợp Ngân hàng đồng ý). Mức điều chỉnh lãi suất: Lãi suất tham chiếu (theo quy định của Ngân hàng M tại thời điểm điều chỉnh) + biên độ 4%/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay thông thường trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 176449.07678/2023/HĐCV ngày 31/7/2023 cụ thể Số tiền vay **680.000.000 đồng** Mục đích vay vốn: Vay tiêu dùng mua sắm trang thiết bị trong gia đình. Thời hạn vay 120 tháng. Lãi suất cho vay 9,99%/năm (từ ngày giải ngân lần đầu tiên tối đa 3 tháng kể từ ngày 30/7/2023 nếu không giải ngân thì khoản vay sẽ bị hủy, trừ trường hợp Ngân hàng đồng ý). Mức điều chỉnh lãi suất: Lãi suất tham chiếu (theo quy định của Ngân hàng M tại thời điểm điều chỉnh) + biên độ 4%/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay

thông thường trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và Thẻ tín dụng, hạn mức thẻ là **50.000.000 đồng**, thời hạn 36 tháng (từ ngày 24/02/2023 đến 24/02/2026), lãi suất theo biểu lãi suất từng thời kỳ của Ngân hàng M.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho các Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 00885/2023/HĐCV/RB ngày 07/3/2023; Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 148352.00635/2023/HĐCV ngày 20/3/2023; Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 176449.07678/2023/HĐCV ngày 31/7/2023 và Thẻ tín dụng thì bà Cao Thị V đã ký với Ngân hàng M:

+ Hợp đồng thế chấp số 0703/2023/HĐTC được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 1047, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/3/2023. Tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất diện tích 102,6 m² thuộc thửa đất 165, tờ bản đồ 24 tại phường P, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC207696, sổ vào sổ cấp GCN: CH00146 do Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 18/8/2010, cập nhật chuyển nhượng cho bà Cao Thị V ngày 28/6/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Ngày 07/3/2023, Ngân hàng M đã giải ngân cho bà Cao Thị V số tiền 4.990.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay ngày 07/3/2023; Ngày 21/03/2023 Ngân hàng MSB đã giải ngân cho bà Cao Thị V số tiền 2.000.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay ngày 20/3/2023; Ngày 31/7/2023, Ngân hàng M đã giải ngân cho bà Cao Thị V số tiền 680.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay ngày 31/7/2023; Ngày 24/02/2023 bà Cao Thị V được cấp và sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức thẻ 50.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Cao Thị V đã thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền 1.057.834.336 đồng. Tuy nhiên, bà V từ tháng 01/2024 bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng M đã có yêu cầu người vay thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi nhưng bà V không thực hiện. Tại bản tự khai tính lãi bổ sung và tại phiên tòa Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà V thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/4/2025 là 8.668.420.600 đồng và buộc bà V tiếp tục có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng M số tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng mà hai bên đã ký kết, kể từ ngày 26/4/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ vay.

Trường hợp bà V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì bà V phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ còn lại cho Ngân hàng.

Về chi phí thẩm định và án phí, bà V phải chịu theo quy định.

[2] Bị đơn bà Cao Thị V trình bày như sau:

Bà Cao Thị V và Ngân hàng TMCP H – Chi nhánh V5 (gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết các Hợp đồng tín dụng ngày 07/3/2023 để vay số tiền 4.990.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng ngày 20/3/2023 để vay số tiền vay 2.000.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng ngày 31/7/2023 để vay số tiền vay 680.000.000 đồng và T tín dụng với hạn mức thế 50.000.000 đồng theo như phía Ngân hàng đã trình bày.

Thời gian đầu bà V đóng lãi đầy đủ cho Ngân hàng nhưng thời gian gần đây do làm ăn khó khăn nên không có khả năng đóng lãi theo cam kết. Tổng số nợ mà Ngân hàng yêu cầu bà V phải thực hiện trả tính đến ngày 25/4/2025 là 8.668.420.600 đồng, trong đó: Nợ gốc là 7.384.072.972 đồng; nợ lãi là 1.256.118.807 đồng; nợ lãi quá hạn/phí là 28.228.821 đồng thì bà V thống nhất và đồng ý thanh toán tổng số nợ trên.

Trường hợp bà V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết theo quy định.

Lý do quá trình hòa giải trước đây và ngay tại phiên tòa, bà V chỉ đề nghị Ngân hàng cho giãn thời gian thanh toán nợ để có lộ trình thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng vì hiện nay bà đang gặp khó khăn trong kinh tế, trường hợp không thống nhất được thì đề nghị Tòa án xét xử theo quy định. Đại diện Ngân hàng chỉ đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Về chi phí thẩm định và án phí bị đơn đồng ý chịu theo quy định.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Đối với Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48; Thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại Điều 35, 39; Tư cách người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 70, 71, 72; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử, vụ án có vi phạm về thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa; Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến trình bày của bị đơn tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H – Chi nhánh V5. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng TMCP H – Chi nhánh V5 với bà Cao Thị V nay có phát sinh tranh chấp nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”;

Bị đơn cư trú tại thành phố B. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ cũng như lời khai của nguyên đơn; lời thừa nhận của bị đơn là bà Cao Thị V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Cao Thị V và Ngân hàng TMCP H – Chi nhánh V5 (gọi tắt là Ngân hàng M) có ký kết các Hợp đồng tín dụng, cụ thể: Hợp đồng tín dụng ngày 07/3/2023 để vay số tiền 4.990.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng ngày 20/3/2023 để vay số tiền vay 2.000.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng ngày 31/7/2023 để vay số tiền vay 680.000.000 đồng và T tín dụng với hạn mức thẻ là 50.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng:

Ngày 07/3/2023, Ngân hàng M đã giải ngân cho bà Cao Thị V số tiền 4.990.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay ngày 07/3/2023; Ngày 21/03/2023, Ngân hàng M đã giải ngân cho bà Cao Thị V số tiền 2.000.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay ngày 20/3/2023; Ngày 31/7/2023, Ngân hàng M đã giải ngân cho bà Cao Thị V số tiền 680.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay ngày 31/7/2023; Ngày 24/02/2023 bà Cao Thị V được cấp và sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức thẻ 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà V1 nhận sau khi được giải ngân các khoản vay theo đúng tiến độ thì bà đã thực hiện trách nhiệm của người vay và thanh toán trả tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng như sau: Trả tiền gốc là 335.475.360 đồng; trả tiền lãi là 722.358.976 đồng, tổng cộng là 1.057.834.336 đồng thì không tiếp tục thanh toán do gặp khó khăn, điều này là vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Tính đến ngày 25/4/2025 tổng số tiền bà V nợ Ngân hàng cả gốc và lãi là 8.668.420.600 đồng; bị đơn bà V thống nhất và đồng ý thanh toán số nợ trên. Việc các bên không thỏa thuận được để Tòa án ra quyết định công nhận là do hai bên chưa thống nhất được cách thức thanh toán nợ cho nhau.

Về tài sản bảo đảm: Ngân hàng và bà Cao Thị V đã ký Hợp đồng thế chấp ngày 07/3/2023, công chứng tại Văn phòng Công chứng Quyền sử dụng đất diện tích 102,6 m² thuộc thửa đất 165, tờ bản đồ 24 tại phường P, thị xã B (nay là phường P, thành phố B), tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC207696 ngày 18/8/2010, cập nhật đứng tên bà Cao Thị V ngày 28/6/2021. Hợp đồng thế chấp bất động sản được công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

Về yêu cầu tính lãi suất thì thấy: Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng xác định bà V còn nợ tổng số tiền tính đến ngày 25/4/2025 là 8.668.420.600 đồng, trong đó: nợ gốc là 7.384.072.972 đồng, nợ lãi là 1.256.118.807 đồng, nợ lãi quá hạn/phí là 28.228.821 đồng. Theo thỏa thuận thì tiền lãi suất trong hạn được tính theo lãi suất cho vay 13,75%/năm, lãi suất quá hạn là 150% của lãi trong hạn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 25/4/2025 là 8.668.420.600 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng kể từ ngày 26/4/2025 cho đến khi trả hết nợ là có cơ sở.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cần buộc bà Cao Thị V phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền nêu trên.

Trường hợp bà V không thanh toán được nợ thì phía nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán cho khoản nợ vay.

[3] Về chi phí tố tụng:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, số tiền này nguyên đơn đã đóng tạm ứng, vì vậy bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Nguyên đơn.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 112.000.000 đồng + (0,1% x 4.668.420.600 đồng) = 116.668.420 đồng, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 463, Điều 466; Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các Điều 91; Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2.

Các Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H- Chi nhánh V5 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà Cao Thị V.

Buộc bà Cao Thị V2 nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP H – Chi nhánh V6 số tiền nợ tính đến ngày 25/4/2025 là **8.668.420.600 đồng** (*Tám tỷ sáu trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn sáu trăm đồng*).

Trong nợ gốc còn lại là 7.384.072.972 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.256.118.807 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.228.821 đồng và lãi suất phát sinh tiếp theo kể từ ngày 26/4/2025 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp trong các hợp đồng ký kết, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất Ngân hàng cho vay.

T1 hợp bà Cao Thị V3 trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để bảo đảm nợ vay theo Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 1047, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/3/2023, gồm:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 102,6 m² (đất ở đô thị) thuộc thửa 165, tờ bản đồ 24, tại phường P, thị xã B (nay là phường P, thành phố B), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 207696, sổ vào sổ cấp GCN: CH00146 do Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 18/8/2010, cập nhật chuyển nhượng cho bà Cao Thị V ngày 28/6/2021.

(Tài sản thế chấp được thẩm định theo biên bản thẩm định tài sản do Tòa án lập ngày 14/11/2024)

Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì bà Cao Thị V tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP H – Chi nhánh V5 đến khi trả nợ xong.

2. Về chi phí tố tụng:

- Bị đơn Cao Thị V phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Do ngân hàng đã đóng toàn bộ tạm ứng chi phí nên bị đơn phải trả lại số tiền trên cho Ngân hàng TMCP H – Chi nhánh V5.

3. Về án phí:

- Bà Cao Thị V4 nộp 116.668.420 đồng (Một trăm mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP H – Chi nhánh V5 58.000.0000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003282 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Người vắng mặt thì thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.)/.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Chi cục THADS huyện Tân Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

Lê Hoàng Anh

